

Bản án số: 70/2017/DS - PT.

Ngày 27/10/2017.

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương.

Ông Lương Xuân Lộc.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn –
Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2017/TLPT-DS ngày 23/8/17 về: “ Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2017/DSST ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2017/QĐXX ngày 01/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2017/QĐ-PT ngày 28/9/2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Trần Quang H – Sinh năm 1977- (có mặt).

Trú quán: Thôn C, xã Quý Sơn, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Đồng Bị đơn:** 1-Bà Lâm Thị Nh - Sinh năm 1960- (có mặt);

2-Ông Lý Xuân Kh – Sinh năm 1960-(chồng bà Nh).

Đều trú tại: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ông Kh vắng mặt, ủy quyền cho bà Lâm Thị Nh.

*** Ngõđi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn:**

Ông Thân Văn L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lý Xuân Kh - (vắng mặt);

Ông Hoàng Trọng Ng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Thị Nh - - (vắng mặt).

Luật sư Hoàng Thị Bích L- Văn phòng Luật sư Hoàng L, đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lý Văn V – Sinh năm 1982- con bà Nh -(có đơn xin vắng mặt);

ĐKNKTT: Thôn Họ, xã Kiên Lao, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, trại giam Tân Lập, Tổng Cục 8, Bộ công an.

2. Chị Nguyễn Thị Ng – Sinh năm 1977- vợ anh H- (vắng mặt).

Trú quán: Thôn C, xã Quý Sơn, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ủy quyền cho anh Trần Quang H – Sinh năm 1977.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là anh Trần Quang H trình bày:

Vào khoảng năm 2008, anh làm nghề chạy xe tải nên có chỗ sấn thuê cho anh Lý Văn V ở thôn Họ, xã Kiên Lao, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến các địa phận các tỉnh như: Lạng Sơn, Hải Dương, Hà Nội, Bắc Giang để đổ sấn vào các nhà máy cho anh V. Anh cũng quen vợ chồng ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh là bố mẹ đẻ của anh V.

Do ông Kh và bà Nh cùng anh V có điện cho anh hỏi vay tiền cho anh V đi buôn sấn. Ngày 26/06/2010 (âm lịch), anh đã cho vợ chồng ông Kh và bà Nh vay số tiền là 400.000.000 đồng. Anh V là người viết giấy biên nhận vay tiền với nội dung vợ chồng ông Kh và bà Nh vay của anh số tiền là 400.000.000 đồng. Ông Kh và bà Nh ký tên với tư cách là người vay còn anh V ký với tư cách là người thừa kế. Giấy biên nhận vay tiền có ghi lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn thanh toán thì 2 bên đã thỏa thuận chia làm 3 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Vào tháng 10 năm 2010 (Âm lịch), ông Kh, bà Nh và anh V sẽ thanh toán cho anh 100.000.000 đồng;

Lần 2: Vào tháng 12 năm 2010 (Âm lịch), ông Kh, bà Nh và anh V sẽ thanh toán cho anh 100.000.000 đồng;

Lần 3: Vào tháng 5 năm 2011 (Âm lịch), ông Kh, bà Nh và anh V thanh toán cho anh 200.000.000 đồng.

Số tiền cho vay trên là tiền chung của vợ chồng anh. Đến nay, ông Kh, bà Nh và anh V mới trả cho vợ chồng anh được 30.000.000 đồng tiền gốc. Do thời gian trả tiền đã lâu nên anh không nhớ thời gian trả nợ đối với số tiền trên, việc trả nợ cũng không viết giấy biên nhận. Nay, anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Kh, bà Nh và anh V phải trả cho anh số tiền nợ gốc còn là 370.000.000đ và số tiền lãi theo mức lãi suất qui định của Ngân hàng từ thời điểm vay là ngày 26/6/2010 (âm lịch) tức ngày 06/8/2010(dương lịch) đến nay là 230.325.000 đồng. Tổng cả tiền gốc và tiền lãi vợ chồng ông Kh, bà Nh và anh V phải trả cho anh là 600.325.000 đồng.

*** Đồng Bị đơn là ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh đều trình bày:**

Ông bà thừa nhận ngày 26/6/2010 (âm lịch) ông bà có ký vào giấy biên nhận vay 400.000.000 đồng của anh Trần Quang H. Con trai ông bà là Lý Văn V ký với

tư cách là người thừa kế. Mục đích vay tiền của anh H để anh V lấy vốn làm ăn. Nhưng do anh V gặp khó khăn về kinh tế nên anh V mới trả được cho anh H 30.000.000 đồng. Nay anh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả cho anh H số tiền gốc là 370.000.000 đồng và số tiền lãi theo qui định của pháp luật từ thời điểm vay là ngày 26/6/2010 (Âm lịch) đến nay là 230.325.000 đồng, (tổng cả tiền gốc và tiền lãi là 600.325.000 đồng) thì ông bà không nhất trí. Hiện nay anh V đang phải chấp hành án tại trại giam T, tỉnh Phú Thọ, nên ông bà không có tiền để trả cho anh H. Việc ông bà đã ký nhận nợ với anh H là do ông bà bị anh H ép buộc. Việc ép buộc này, ông bà cũng không có chứng cứ gì để chứng minh.

Do ông bà nay đã già, không tiền để trả cho anh H, khi nào anh V chấp hành án xong về thì anh V sẽ có trách nhiệm trả cho anh H số tiền trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1-Anh Lý Văn V trình bày:

Năm 2010, anh có quen biết và cùng chung vốn kinh doanh với anh Trần Quang H. Do vốn góp của anh ít hơn anh H nên anh có viết giấy nhận nợ với anh H số tiền 400.000.000 đồng. Anh đã nhờ bố mẹ anh là ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh ký tên nhận nợ hộ anh còn anh đã ký tên vào giấy nhận tiền với tư cách người thừa kế. Do anh gặp khó khăn về kinh tế nên anh vẫn chưa trả được tiền cho anh H. Nay anh H khởi kiện đòi tiền anh và bố mẹ anh thì anh đồng ý. Nhưng anh đề nghị được cùng bố mẹ trả dần tiền cho anh H. Hiện nay anh chấp hành án phạt tù tại trại giam T Tổng Cục 8- Bộ công an nên không thể có mặt để tham gia xét xử vụ án nên anh đề nghị xin vắng mặt trong các buổi Tòa thực hiện việc công khai tiếp nhận chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án.

2- Chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Chị là vợ của anh Trần Quang H, ngày 26/6/2010 (âm lịch) vợ chồng chị có cho vợ chồng ông Kh, bà Nh vay số tiền như anh H đã trình bày. Nay chị cũng đồng ý với quan điểm của anh H đề nghị vợ chồng ông Kh, bà Nh và anh V phải trả cho vợ chồng chị tổng số tiền gốc và tiền lãi từ ngày vay đến nay là 600.325.000 đồng.

Do có nội dung trên bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2017/DSST ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang H.

Buộc ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh và anh Lý Văn V phải có trách nhiệm trả cho anh Trần Quang H và chị Trần Thị Ng số tiền gốc là 370.000.000 đồng và số tiền lãi là 230.325.000 đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 600.325.000 đồng (Sáu trăm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 16/6/2017, ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh nộp đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử về việc ông Kh và bà Nh phải trả tiền cho vợ chồng anh H.

Ngày 04/7/2017, Viện trưởng VKSND tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị số 15/QĐKNPT-DS đề nghị sửa bản án sơ thẩm đã xử về tiền lãi của số tiền mà vợ chồng ông Kh, bà Nh và anh V phải trả cho anh H vì lý do bản án sơ thẩm đã tính tiền lãi không đúng. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn thiếu sót như: Tuyên lãi suất chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015; bản án sơ thẩm đã viết không đúng mẫu quy định tại Nghị quyết số 01/2017/NQ_HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn là anh Trần Quang H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng Bị đơn là ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau.

Anh H trình bày: Anh đồng ý chỉ buộc ông Kh và bà Nh chỉ phải trả cho anh số tiền 190.000.000 đồng mà không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu anh V cùng có trách nhiệm liên đới với ông Kh và bà Nh trả nợ cho anh. Trước khi Tòa án xét xử thì anh cũng đã nhận được số tiền 90.000.000 đồng của ông Kh và bà Nh trả cho anh. Anh đề nghị ông Kh và bà Nh phải trả cho anh số tiền còn lại là 100.000.000 đồng trước ngày 28/11/2017.

Bà Nh trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của anh H và nhất trí với kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang, bà nộp cho Tòa án giấy biên nhận tiền của có nội dung anh H đã nhận của bà số tiền 90.000.000 đồng.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang rút 1 phần kháng nghị và phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

Bản án sơ thẩm đã tính tiền lãi của số tiền mà vợ chồng ông Kh, bà Nh và anh V phải trả cho anh H là không đúng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Anh H là Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi nên VKSND tỉnh Bắc Giang rút kháng nghị về phần tiền lãi.

Phần lãi suất chậm thi hành án Tòa án đã tuyên: "Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng tương ứng với thời điểm chậm thi hành án" là không đúng với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Bản án sơ thẩm đã viết không đúng mẫu quy định tại Nghị quyết số 01/2017/NQ_HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Mặc dù ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh kháng cáo không thừa nhận vay tiền của anh Trần Quang H và cho rằng ông bà đã ký giấy biên nhận với anh H là do bị anh H ép buộc còn anh Lý Văn V là con trai của ông Kh và bà Nh mới là người vay tiền của anh H và là người được sử dụng số tiền này nên trách nhiệm trả nợ thuộc về anh V. Nhưng sau khi xét xử sơ thẩm bà Nh đã trả cho anh H 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H và bà Nh đều thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể là: Anh H đồng ý chỉ buộc ông Kh và bà Nh chỉ phải trả cho anh H số tiền còn nợ là 190.000.000 đồng; anh H không yêu cầu tiền lãi và cũng không yêu cầu anh V cùng có trách nhiệm liên đới với ông Kh và bà Nh trả nợ cho anh H. Trước khi Tòa án xét xử thì anh H cũng đã nhận được số tiền 90.000.000 đồng của ông Kh và bà Nh trả cho anh. Anh H đề nghị ông Kh và bà Nh phải trả cho anh số tiền còn lại là 100.000.000 đồng trước ngày 28/11/2017. Bà Nh đồng ý với đề nghị của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang rút 1 phần kháng nghị về tiền lãi vì lý do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật, cần áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận việc rút 1 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Sửa bản án sơ thẩm đã xử về nội dung trên.

Do các bên thỏa thuận sẽ thi hành số tiền còn nợ trước ngày 28/11/2017 nên sau ngày 28/11/2017 mà bên thi hành án mà không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho bên được thi hành án thì bên thi hành án phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên lãi suất chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản là không đúng và bản án sơ thẩm không áp dụng đúng mẫu của Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 13/01/2017, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 1/1/2017 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên phần nghĩa vụ chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005 là: "Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên

thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng tương ứng với thời điểm chậm thi hành án".

Việc tuyên án như trên là không đúng với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và sửa bản án sơ thẩm về phần nghĩa vụ chậm thi hành án như sau: “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Ngày 13/01/2017, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP hướng dẫn về mẫu bản án nhưng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lại không áp dụng theo mẫu số 52-DS là không đúng, (phần “nội dung vụ án” lại ghi là phần “nhận thấy”; phần “nhận định của Tòa án” lại ghi là phần “xét thấy”, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và sửa bản án sơ thẩm về nội dung trên.

Trong vụ án này, tại phần quyết định của bản án Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các Điều luật để giải quyết nhưng phần nhận định của bản án thì Tòa án không xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp là gì? Nếu 2 bên đã giao kết với nhau 01 Hợp đồng vay tài sản thì cần áp dụng Điều luật nào của BLDS; Việc tranh chấp này còn thời hiệu hay không còn thời hiệu? Hợp đồng vay tài sản này thuộc loại gì (có lãi hay không có lãi, có thời hạn trả nợ hay không có thời hạn trả nợ). Bản án đã xử buộc Bị đơn trả tiền cho Nguyên đơn trên cơ sở áp dụng Điều luật nào của BLDS để giải quyết.

Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về những nội dung trên.

Theo điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: Dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí nên ông Kh, bà Nh được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa bản án sơ thẩm đã xử.

□p dụng Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 468, điểm c khoản 1 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản

1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang H. Buộc vợ chồng ông Lý Xuân Kh, bà Lâm Thị Nh phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Trần Quang H và chị Trần Thị Ng số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn) trước ngày 28/11/2017.

Án phí DSST: Ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh và anh Lý Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Trần Quang H 9.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AB/2010/003446 ngày 09/10/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Án phí DSPT: Ông Lý Xuân Kh và bà Lâm Thị Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

“Kể từ ngày 28/11/2017 có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Minh Hiền